TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HS-ST
Ngày: 17/04/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ TĨNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, ông: **Phạm Đức Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Đạt

2. Ông Lê Xuân Kiên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa, bà: Trần Thị Thư- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa, ông Nguyễn Văn Tạo - Chức danh: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại Hội trường xử án Toà án nhân dân khu vực 5 - Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Tĩnh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2026/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 16 tháng 10 năm 1988, tại: xã T, tỉnh Hà Tĩnh, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn G, xã T, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Đậu Thị T1; con: 02 đứa, đứa lớn sinh năm 2013, đứa nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/01/2026 cho đến nay tại xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

2. Họ và tên: Lê Quốc T2; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 11 năm 1970, tại: xã T, tỉnh Hà Tĩnh, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã T, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Thợ xây; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lê Khả V và bà Cù Thị H; anh chị em ruột có 06 người, bị cáo là con thứ 5; vợ: Nguyễn Thị T3; con: 02 đứa, đứa, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo

bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/01/2026 cho đến nay tại xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- *Bị hại*: Ông Trần Đình L, sinh năm 1966; trú tại: Thôn K, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Công nhân. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1957; trú tại: Thôn B, xã T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Buôn bán. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã V, tỉnh Nghệ An. Chổ ở hiện tại: Thôn B, xã T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1976; trú tại: Thôn B, xã T, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1984; trú tại: Thôn N, xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Tống G, sinh năm 1985; trú tại: Thôn F, xã V, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, Lê Quốc T2 là công nhân thi công dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ H, đoạn qua địa phận thôn N, xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình làm việc, T phát hiện tại khu vực gần ngã ba Trường Tiểu học S, thuộc thôn N, xã H, tỉnh Hà Tĩnh, có nhiều tấm cốt pha, bằng kim loại của ông Trần Đình L (sinh năm: 1966, trú tại thôn K, xã C, tỉnh Hà Tĩnh), không có người trông coi, quản lý, nên nảy sinh ý định lấy trộm và rủ T2 cùng thực hiện, thì T2 đồng ý, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào trưa ngày 22/12/2025, Nguyễn Văn T rủ Lê Quốc T2 trộm cắp các tấm cốt pha, bằng kim loại nói trên thì, T2 đồng ý. Khoảng 14 giờ 30 phút, cùng ngày, T điều khiển xe mô tô, (không còn thân vỏ, không gắn biển kiểm soát) của mình, kéo theo xe kéo cùng T2 ngồi phía sau xe kéo, đến tại vị trí tập kết cốt pha của ông Trần Đình L, tại thôn N, xã H, tỉnh Hà Tĩnh, cùng nhau bốc 05 tấm cốt pha, bằng kim loại lên xe kéo để T chở đi trước, còn T2 đi bộ đến lấy xe mô tô BKS 38H1-087.40 của mình để gần đó, rồi đi theo phía sau. Cả hai đến cửa hàng thu mua phế liệu của bà Phạm Thị L1 (sinh năm: 1957, trú tại xã T, tỉnh Hà Tĩnh) bán cho bà L1 với giá 1.500.000 đồng. T đưa cho T2 700.000 đồng, còn mình giữ 800.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào sáng ngày 23/12/2025, khi đang làm việc tại công trình, T

tiếp tục rủ T2 đến vị trí cũ lấy trộm các tấm cốt pha, bằng kim loại, thì T2 đồng ý. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô (không gắn biển kiểm soát) của mình, kéo theo xe kéo, còn T2 điều khiển xe mô tô BKS 38H1-087.40 của Trâm đến tại vị trí hôm qua. T và T2 bốc 06 tấm cốt pha, bằng kim loại lên xe kéo để T chở đi phía trước, còn T2 điều khiển xe mô tô theo sau, đến bán cho bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm: 1975, trú tại xã T) với giá 2.100.000 đồng. T giữ lấy 1.100.000 đồng và đưa cho T2 1.000.000 đồng, sau đó cả hai quay lại công trình tiếp tục làm việc.

Đến chiều ngày 23/12/2025, ông Trần Đình L kiểm đếm tài sản thì phát hiện bị mất 11 tấm cốt pha, bằng kim loại nên trình báo Công an xã H. Đến ngày 24/12/2025, sau khi biết hành vi của mình bị phát hiện thì Nguyễn Văn T, Lê Quốc T2 đã đến Công an xã H đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/KL-HĐĐGTS ngày 08/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND xã H, kết luận:Tài sản ký hiệu từ 01-06 (06 tấm cốt pha, bằng kim loại) có trị giá 3.090.000 đồng; tài sản ký hiệu từ 7-11 (5 tấm cốt pha, bằng kim loại) có trị giá 2.430.000 đồng. Tổng trị giá của tài sản là 5.520.000 đồng.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSKV5, ngày 12 tháng 03 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 -Hà Tĩnh truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Quốc T2 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Tĩnh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về điều luật và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc T2 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hà Tĩnh và bị cáo Lê Quốc T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã T, xã T, tỉnh Hà Tĩnh trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Quốc T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng chi phí vận chuyển các tấm cốt pha để trả cho bị hại ông Trần Đình L và trả lại số tiền 3.600.000 đồng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị L1, bà Nguyễn Thị H1 và những người này đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu đỏ, không có thân vỏ, không gắn biển kiểm soát, số khung RLHHC 09017Y691569, số máy HC09E-5490863, (giấy chứng nhận đăng ký hiện đã mất) xe đã qua sử dụng; 01 xe kéo, có khung bằng kim loại, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước ½ giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 38H1-087.40 đã qua sử dụng thu giữ từ bị cáo Lê Quốc T2. Trả lại ½ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 38H1-087.40 đã qua sử dụng thu giữ từ bị cáo Lê Quốc T2 cho chị Nguyễn Thị T3. Chuyển 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 5395934 mang tên Lê Quốc T2 đang lưu giữ ở hồ sơ vụ án cho Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Hà Tĩnh để xử lý theo chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 38H1-087.40.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 1.900.000 đồng, bị cáo Lê Quốc T2 1.700.000 đồng, do các bị cáo giao nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh H và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Tĩnh trong quá trình nhận tin báo, điều tra, truy tố, thu thập chứng cứ, tài liệu đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các chứng cứ tài liệu Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập là hợp pháp. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai

của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Trong quá trình thi công tại công trình nâng cấp, cải tạo Quốc lộ H, Nguyễn Văn T thấy số cốt pha, bằng kim loại của ông Trần Đình L để tại khu vực ngã ba gần Trường Tiểu học S, thuộc thôn N, xã H, tỉnh Hà Tĩnh, không có người trông coi, quản lý nên ngày 22 và ngày 23/12/2025, bị cáo Nguyễn Văn T rủ bị cáo Lê Quốc T2 02 lần cùng thực hiện hành vi trộm cắp 11 tấm cốt pha bằng kim loại của ông L có trị giá 5.520.000 đồng, bán cho bà Phạm Thị L1, Nguyễn Thị H1 lấy số tiền 3.600.000 đồng nhằm mục đích lấy tiêu xài cá nhân. Trong đó Nguyễn Văn T được chia 1.900.000 đồng, Lê Quốc T2 được chia 1.700.000 đồng. Vì vậy, Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu ực 5 - Hà Tĩnh truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Đây là vụ án thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, có hai bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, xét về tính chất, mức độ, động cơ mục đích phạm tội Hội đồng xét xử thấy bị cáo Nguyễn Văn T khởi xướng, thực hành, được chia số tiền nhiều hơn nên giữ vai trò chính, còn Lê Quốc T2 là người thực hành, giúp sức tích cực và được chia số tiền ít hơn nên giữ vai trò sau bị cáo T. Các bị cáo đã bí mật, lén lút lấy trộm tài sản của ông Trần Đình L, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn, các bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên cũng cần xét cho các bị cáo, sau khi phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, quá trình điều tra và tại phiên toà thành khẩn khai báo, đầu thú và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cả hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Trên cơ sở phân tích đánh giá đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, tài sản các bị cáo trộm cắp không lớn, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đối chiếu với Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC, ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà xử các bị cáo mức án tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ nghiêm, đúng quy định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: [5] Các bị cáo làm công nhân thời vụ, việc làm không ổn định, kinh tế khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt tiền.

[6] Trong vụ án này, bà Phạm Thị L1 và bà Nguyễn Thị H1 là những người đã mua các tấm cốt pha do các bị cáo lấy trộm nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không bị xử lý là đúng quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: [7] Sau khi phạm tội các bị cáo đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng chi phí vận chuyển các tấm cốt pha để trả cho bị hại ông Trần Đình L và trả lại số tiền 3.600.000 đồng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị L1, bà Nguyễn Thị H1 và những người này đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

- Về xử lý vật chứng: [8]

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu đỏ, không có thân vỏ, không gắn biển kiểm soát, số khung RLHHC 09017Y691569, số máy HC09E-5490863, (giấy chứng nhận đăng ký hiện đã mất) xe đã qua sử dụng; 01 xe kéo, có khung bằng kim loại, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T là tài sản riêng của bị cáo có trước thời kỳ hôn nhân, sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 38H1-087.40, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Quốc T2 là tài sản chung của bị cáo T2 và vợ là chị Nguyễn Thị T3 được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Hiện nay chị T3 yêu cầu được trả lại chiếc xe nói trên. Hội đồng xét xử thấy đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, việc bị cáo sử dụng xe làm công cụ, phương tiện phạm tội chị T3 không biết nên cần tịch thu ½ giá trị chiếc xe để sung quỹ nhà nước. Còn ½ giá trị chiếc xe còn lại trả cho chị Nguyễn Thị T3. Đối với 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 5395934 mang tên Lê Quốc T2, do Công an huyện H cấp ngày 03/7/2013 đang lưu giữ ở hồ sơ vụ án nên cần thiết chuyển cho Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Hà Tĩnh để xử lý theo chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 38H1-087.40.

+ 11 tấm cốt pha, bằng kim loại thu giữ trong vụ án là tài sản hợp pháp của ông Trần Đình L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng theo quy định pháp luật nên miễn xét.

+ Số tiền các bị cáo bán tài sản trộm cắp được mà có đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết. Trong quá trình điều tra bị cáo Lê Quốc T2 tự nguyện nộp 1.700.000 đồng, Nguyễn Văn T tự nguyện nộp giao nộp 1.900.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị L1 yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 1.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu trả lại số 2.100.000 đồng. Hiện nay hai bị cáo đã trả lại số tiền trên cho bà L1, bà H1 đầy đủ và những người này không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên số tiền các bị cáo giao nộp không phải là vật chứng của vụ án nên cần thiết trả trả lại số tiền trên cho hai bị cáo.

Các vật chứng và tài sản thu giữ trên được xử lý theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Về án phí: [9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: [10] Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Quốc T2 phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc T2 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hà Tĩnh, giao bị cáo Lê Quốc T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã T, xã T, tỉnh Hà Tĩnh trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Quốc T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu đỏ, không có thân vỏ, không gắn biển kiểm soát, số khung RLHHC 09017Y691569, số máy HC09E-5490863, (giấy chứng nhận đăng ký hiện đã mất) xe đã qua sử dụng; 01 xe kéo, có khung bằng kim loại, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước ½ giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 38H1-087.40, số khung 814803, số máy 5395934, đã qua sử dụng thu giữ từ bị cáo Lê Quốc T2. Trả lại ½ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 38H1-087.40, số khung 814803, số máy 5395934, đã qua sử dụng thu giữ từ bị cáo Lê Quốc T2 cho chị Nguyễn Thị T3. Chuyển 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 5395934 mang tên Lê Quốc T2, do Công an huyện H cấp ngày 03/7/2013 đang lưu giữ ở hồ sơ vụ án cho Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Hà Tĩnh để xử lý theo chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 38H1-087.40.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 1.900.000 đồng, bị cáo Lê Quốc T2 1.700.000 đồng, do các bị cáo giao nộp.

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Hà Tĩnh ngày 26 tháng 3 năm 2026. Số tiền trả lại cho các bị cáo đang được gửi tại tài khoản số 8633889889 của Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh mở tại kho bạc nhà nước, thể hiện tại Ủy nhiệm chi ký hiệu C4-02a/KB, số chứng từ 09, lập ngày 26 tháng 3 năm 2026 giữa bên trả tiền Công an xã H và bên nhận tiền Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc: Bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Quốc T2 mỗi bị cáo phải nộp phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Tĩnh;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh (PV 06);
- Công an tỉnh Hà Tĩnh (PC 10);
- Công an tỉnh Hà Tĩnh (PC 01);
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- UBND xã Thượng Đức, xã Tứ Mỹ;
- Công an xã Thượng Đức, xã Tứ Mỹ;
- Lưu hồ sơ, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Phạm Đức Quang